



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 70/2026/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý hoạt động đổi mới sáng tạo
trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và Đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 10/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Ninh tại Tờ trình số 298/TTr-SKH-CN ngày 30 tháng 6 năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy định quản lý hoạt động đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý hoạt động đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 8 năm 2026.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Đã ký

Mai Sơn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Quản lý hoạt động đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 70/2026/QĐ-UBND ngày 10/8/2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo; thúc đẩy, phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo; doanh nghiệp khoa học và công nghệ; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, nhà đầu tư, chuyên gia hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo.

Các nội dung không quy định tại Quy định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Phân cấp quản lý hoạt động đổi mới sáng tạo

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, trừ các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 10; khoản 1, khoản 7 Điều 13 Quy định này.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân xã, phường quản lý hoạt động đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước được giao cho Ủy ban nhân dân xã, phường thực hiện.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1. NHIỆM VỤ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 4. Phân loại nhiệm vụ đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước

1. Căn cứ theo phương thức xác định, hình thành nhiệm vụ đổi mới sáng tạo được phân loại như sau:

- a) Nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo hình thức tài trợ;
- b) Nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo hình thức đặt hàng;
- c) Nhiệm vụ đổi mới sáng tạo cơ sở.

2. Căn cứ theo hình thức triển khai, nhiệm vụ đổi mới sáng tạo được phân loại như sau:

a) Nhiệm vụ đổi mới sáng tạo trong khuôn khổ các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh về đổi mới công nghệ; khởi nghiệp sáng tạo; phát triển quyền sở hữu trí tuệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa;

b) Nhiệm vụ đổi mới sáng tạo trong khuôn khổ các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh; của các xã, phường;

c) Nhiệm vụ đổi mới sáng tạo không thông qua các chương trình để thực hiện theo định hướng ưu tiên hoặc yêu cầu cụ thể của cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo.

3. Căn cứ theo nội dung, nhiệm vụ đổi mới sáng tạo được phân loại như sau:

- a) Nhiệm vụ đổi mới công nghệ;
- b) Nhiệm vụ phát triển quyền sở hữu trí tuệ, nâng cao năng suất, chất lượng;
- c) Nhiệm vụ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo;
- d) Nhiệm vụ hỗ trợ lãi suất vay;
- đ) Nhiệm vụ hỗ trợ thông qua phiếu hỗ trợ tài chính (voucher).

Điều 5. Nguyên tắc quản lý tổ chức thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước

Nhiệm vụ đổi mới sáng tạo được quản lý, tổ chức thực hiện theo các nguyên tắc quy định tại Điều 6 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

Điều 6. Tiêu chí lựa chọn nhiệm vụ đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước

Tiêu chí lựa chọn nhiệm vụ đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Bắc Ninh được quy định theo Điều 8 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

Điều 7. Điều kiện tham gia xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo

Điều kiện tham gia xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo được quy định tại Điều 9 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

Điều 8. Thông báo, kêu gọi đề xuất nhiệm vụ đổi mới sáng tạo**1. Thông báo kêu gọi đề xuất nhiệm vụ đổi mới sáng tạo**

Định kỳ hoặc đột xuất, Sở Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo, kêu gọi đề xuất nhiệm vụ đổi mới sáng tạo trên cổng thông tin điện tử hoặc các phương tiện thông tin đại chúng, căn cứ vào một hoặc một số cơ sở sau đây:

a) Đặt hàng của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan nhà nước địa phương, bao gồm cả nhiệm vụ đột xuất, phát sinh nhằm giải quyết các vấn đề cấp bách, cấp thiết trong thực tiễn phát triển;

b) Định hướng ưu tiên hoặc yêu cầu của Tỉnh để cụ thể hóa chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; chiến lược, chương trình tổng thể phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã được phê duyệt.

c) Khả năng cân đối, bố trí ngân sách nhà nước và các nguồn lực tài chính khác trong năm kế hoạch; trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ có thể tham mưu UBND tỉnh công bố mức trần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với từng nhóm nhiệm vụ trong thông báo.

2. Thời hạn và địa chỉ nhận hồ sơ:

a) Thông báo kêu gọi đề xuất nhiệm vụ được quy định rõ thời hạn và địa chỉ tiếp nhận hồ sơ trên Cổng thông tin điện tử Sở Khoa học và Công nghệ; trường hợp chưa

đảm bảo theo kế hoạch, thông báo được điều chỉnh và đăng tải lại trên Cổng thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ;

b) Tổ chức đề xuất nộp 01 bộ hồ sơ bản gốc hoặc bản sao có chứng thực dưới dạng điện tử qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc trực tiếp đến Sở Khoa học và Công nghệ.

c) Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận, xử lý, lưu trữ hồ sơ đúng thời hạn theo thông báo kêu gọi, bảo đảm công khai, minh bạch.

3. Xử lý hồ sơ đề xuất nhiệm vụ:

a) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ và thông báo bằng văn bản hoặc trên Cổng thông tin điện tử của Sở đối với các hồ sơ hợp lệ hoặc không hợp lệ;

b) Trong trường hợp nhận thấy hồ sơ không hợp lệ hoặc không phù hợp với định hướng, nguồn lực, điều kiện, thời gian, Sở Khoa học và Công nghệ không tiếp tục xem xét hồ sơ.

Điều 9. Hồ sơ đăng ký, trình tự xét duyệt, thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo

1. Hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

2. Trình tự xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

3. Thẩm định kinh phí nhiệm vụ đổi mới sáng tạo

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày cơ quan đề xuất nộp hồ sơ hoàn thiện theo kết luận của hội đồng xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo, Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định kinh phí nhiệm vụ đổi mới sáng tạo thông qua Tổ thẩm định, với các nội dung cụ thể sau đây:

a) Thành phần, số lượng: Tổ thẩm định có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm Tổ trưởng là lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ, Thành viên tổ thẩm định bao gồm đại diện Sở Tài chính, chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh phụ trách theo dõi ngành khoa học và công nghệ, đại diện phòng chuyên môn quản lý tài chính, quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo của Sở Khoa học và Công nghệ. Tổ thẩm định kinh phí cử 01

thành viên của tổ làm Thư ký Tổ thẩm định. Trong trường hợp cần thiết có thể mời thành viên là đại diện Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ đổi mới sáng tạo.

b) Tổ thẩm định có nhiệm vụ kiểm tra việc hoàn thiện hồ sơ của tổ chức chủ trì theo kết quả xét duyệt; đánh giá sự phù hợp của dự toán kinh phí so với các nội dung tài trợ, hỗ trợ theo kết quả xét duyệt; rà soát nội dung hỗ trợ và xác định tỷ lệ hoặc mức hỗ trợ theo từng nội dung tài trợ; xem xét sự phù hợp của phương án huy động vốn đối ứng của tổ chức đề xuất để thực hiện nhiệm vụ.

c) Trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày có biên bản thẩm định kinh phí, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo kết quả cho tổ chức đề xuất. Tổ chức đề xuất có trách nhiệm hoàn thiện dự toán kinh phí và gửi về Sở Khoa học và Công nghệ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính trong vòng 07 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận thông báo.

Điều 10. Phê duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo

1. Nhiệm vụ đổi mới sáng tạo được phê duyệt theo quy định tại khoản 1, Điều 14 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

2. Thông tin phê duyệt nhiệm vụ được công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử Sở Khoa học và Công nghệ gồm: Tên nhiệm vụ; tổ chức chủ trì; thời gian thực hiện, mục tiêu, dự kiến kết quả.

3. Huỷ kết quả phê duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

4. Trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức khảo sát cơ sở vật chất - kỹ thuật của tổ chức chủ trì trước khi xem xét phê duyệt nhiệm vụ.

Điều 11. Ký hợp đồng tài trợ, hỗ trợ, cấp kinh phí và kiểm tra, đánh giá nhiệm vụ đổi mới sáng tạo

1. Ký hợp đồng tài trợ, hỗ trợ và cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

2. Kiểm tra, đánh giá nhiệm vụ đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

Điều 12. Sửa đổi, chấm dứt và quyết toán, thanh lý Hợp đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo

1. Sửa đổi, chấm dứt hợp đồng tài trợ được thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

2. Quyết toán kinh phí, thanh lý hợp đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo được thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

Điều 13. Xây dựng đề xuất đặt hàng nhiệm vụ đổi mới sáng tạo**1. Xác định định hướng đặt hàng**

Căn cứ vào chỉ đạo của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh, chiến lược, kế hoạch, phát triển kinh tế - xã hội, các chương trình đổi mới sáng tạo, những vấn đề quan trọng, cấp bách, mới phát sinh trong thực tế như khắc phục hoặc xử lý kịp thời các hậu quả gây ra do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hoả hoạn, tai nạn bất ngờ, sự cố hoặc sự kiện bất khả kháng khác; phòng, chống thiên tai, thảm họa, dịch bệnh; bảo vệ tính mạng của người dân; bảo vệ lợi ích của Nhà nước hoặc lợi ích của cộng đồng và các vấn đề xã hội khác, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp các sở, ngành xác định định hướng đặt hàng, trình UBND tỉnh công bố kêu gọi đề xuất đặt hàng.

2. Xác định danh mục nhiệm vụ đổi mới sáng tạo đặt hàng

Căn cứ kết quả tiếp nhận các đề xuất đặt hàng tại khoản 1 Điều này, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng để xác định danh mục nhiệm vụ đổi mới sáng tạo đặt hàng.

3. Thành phần Hội đồng

a) Thành viên của Hội đồng là đại diện cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp, chuyên gia có năng lực và chuyên môn phù hợp với yêu cầu của vấn đề cần đặt hàng;

b) Hội đồng có từ 07 đến 09 thành viên là các Ủy viên, trong đó có Chủ tịch, Phó Chủ tịch, các ủy viên và thư ký. Trong trường hợp khác, số lượng thành viên Hội đồng do cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo quyết định.

4. Phương thức làm việc của Hội đồng

a) Hội đồng làm việc theo một trong các phương thức sau: Họp trực tiếp; họp trực tuyến; họp trực tiếp kết hợp trực tuyến;

b) Phiên họp Hội đồng phải có ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên tham dự, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch được uỷ quyền điều hành;

c) Thành viên Hội đồng có trách nhiệm nghiên cứu tài liệu do Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp và chuẩn bị ý kiến nhận xét đánh giá về vấn đề cần đặt hàng;

d) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, độc lập, trung thực, khách quan và bảo đảm liêm chính khoa học. Hội đồng thảo luận, thống nhất và kết luận. Ý kiến kết luận của Hội đồng được thông qua và lập thành biên bản khi trên hai phần ba (2/3) tổng số thành viên tham gia nhất trí.

5. Tài liệu phục vụ phiên họp được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 19 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

6. Trình tự, thủ tục làm việc của Hội đồng được thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 19 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

7. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ đổi mới sáng tạo

Căn cứ kết quả làm việc của Hội đồng, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp danh mục, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục nhiệm vụ đổi mới sáng tạo đặt hàng theo Mẫu số I.16 Phụ lục I của Nghị định số 268/2025/NĐ-CP để đặt hàng thực hiện và công bố công khai nhiệm vụ đặt hàng trên Cổng thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ hoặc Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia để cho tổ chức, cá nhân có đủ năng lực đăng ký thực hiện.

8. Việc thông báo, xét duyệt để giao trực tiếp và tổ chức thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo đặt hàng thực hiện theo quy định tại các Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Quy định này.

Điều 14. Nhiệm vụ hỗ trợ lãi suất vay

Nhiệm vụ hỗ trợ lãi suất vay thực hiện theo quy định tại Điều 20, Điều 21 và Điều 22 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

Điều 15. Nhiệm vụ hỗ trợ thông qua phiếu hỗ trợ tài chính (voucher)

Nhiệm vụ hỗ trợ thông qua phiếu hỗ trợ tài chính (voucher) thực hiện theo quy định tại Điều 23, Điều 24 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

MỤC 2

TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH VÀ CÔNG NHẬN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, HỖ TRỢ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO

Điều 16. Tiêu chí xác định tổ chức, cá nhân đổi mới sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo

Tiêu chí xác định trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh, cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, nhà đầu tư cá nhân khởi nghiệp sáng tạo thực hiện theo quy định tại Điều 29, Điều 30, Điều 32, Điều 33, Điều 35, Điều 36 và Điều 37 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

Điều 17. Nguyên tắc công nhận tổ chức, cá nhân đổi mới sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo

Nguyên tắc công nhận tổ chức, cá nhân đổi mới sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo được quy định tại Điều 38 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

Điều 18. Giấy công nhận tổ chức, cá nhân đổi mới sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo

Giấy công nhận tổ chức, cá nhân đổi mới sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo được quy định tại Điều 39 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

Điều 19. Thẩm quyền công nhận tổ chức, cá nhân đổi mới sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh; trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, nhà đầu tư cá nhân khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện cấp Giấy công nhận, cấp lại Giấy công nhận, chấm dứt, hủy bỏ hiệu lực Giấy công nhận.

Điều 20. Hội đồng tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận tổ chức, cá nhân đổi mới sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo

1. Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận tổ chức, cá nhân đổi mới sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo (được gọi là Hội đồng tư vấn công nhận). Số lượng thành viên Hội đồng tư vấn công nhận quy định tại điểm b, điểm c và điểm d Khoản 1 Điều 41 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

2. Thành phần, nguyên tắc làm việc, trình tự làm việc của Hội đồng tư vấn công nhận hồ sơ yêu cầu công nhận tổ chức, cá nhân đổi mới sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo và các biểu mẫu thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 41 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

Điều 21. Trình tự công nhận tổ chức, cá nhân đổi mới sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo

Trình tự công nhận Trung tâm đổi mới sáng tạo, Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh, cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, nhà đầu tư cá nhân khởi nghiệp sáng tạo được thực hiện theo trình tự sau:

1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu công nhận gửi hồ sơ theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến đến Sở Khoa học và Công nghệ. Thành phần hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản yêu cầu công nhận theo Mẫu số IV.1.1 tại Phụ lục IV. 1 ban hành kèm theo Nghị định số 268/2025/NĐ-CP;

b) Thuyết minh theo mẫu tương ứng tại Phụ lục IV.2 ban hành kèm theo Nghị định số 268/2025/NĐ-CP;

c) Các tài liệu minh chứng đáp ứng tiêu chí trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi

ng nghiệp sáng tạo cấp tỉnh, cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, nhà đầu tư cá nhân khởi nghiệp sáng tạo;

d) Văn bản xác nhận của cơ quan chủ quản đối với các nội dung đã trình bày trong thuyết minh trong trường hợp tổ chức đề nghị công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo thuộc quyền quản lý của cơ quan nhà nước.

2. Trình tự, thủ tục công nhận

a) Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, trả lời tổ chức, cá nhân về tính hợp lệ của hồ sơ; xem xét, thẩm định hồ sơ; thành lập hội đồng tư vấn công nhận; tổ chức họp hội đồng tư vấn công nhận; trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định công nhận và cấp giấy công nhận; trả lời tổ chức, cá nhân về việc từ chối công nhận, dừng xử lý hồ sơ đề nghị công nhận, thông báo kết quả họp hội đồng tư vấn công nhận đối với trường hợp không đồng ý với yêu cầu của hồ sơ.

b) Thời hạn thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

3. Trước khi Giấy công nhận hết thời hạn hiệu lực 60 ngày, nếu có nhu cầu tiếp tục công nhận, tổ chức, cá nhân thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 22. Cấp lại Giấy công nhận

1. Trường hợp cấp lại giấy công nhận, hồ sơ yêu cầu cấp lại giấy công nhận thực hiện theo Khoản 1 và Khoản 2 Điều 44 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

2. Trình tự, thủ tục cấp lại Giấy công nhận

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến về Sở Khoa học và Công nghệ;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm trả lời tổ chức, cá nhân về tính hợp lệ của hồ sơ;

c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét trình UBND tỉnh cấp lại Giấy công nhận hoặc từ chối cấp lại.

3. Thời hạn hiệu lực của Giấy công nhận trong trường hợp cấp lại được ghi theo thời hạn hiệu lực của Giấy công nhận đã được cấp.

Điều 23. Chấm dứt, hủy bỏ hiệu lực Giấy công nhận

1. Các trường hợp chấm dứt hoặc hủy bỏ hiệu lực Giấy công nhận được quy định tại Khoản 1 hoặc Khoản 2 Điều 45 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

2. Trình tự, thủ tục chấm dứt, hủy bỏ hiệu lực Giấy công nhận

a) Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ yêu cầu chấm dứt, hủy bỏ hiệu lực giấy công nhận; trả lời tổ chức, cá nhân về tính hợp lệ của hồ sơ; thẩm định hồ sơ hoặc thành lập hội đồng tư vấn chấm dứt, hủy bỏ; trình UBND tỉnh ban hành quyết định chấm dứt, hủy bỏ giấy công nhận; từ chối chấm dứt, hủy bỏ giấy công nhận.

b) Trình tự, thủ tục chấm dứt, hủy bỏ hiệu lực Giấy công nhận thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 45 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

3. Trường hợp bị hủy bỏ Giấy công nhận, tổ chức, cá nhân bị truy thu toàn bộ các ưu đãi, các khoản được nhận tài trợ, hỗ trợ, những lợi ích khác đã được hưởng từ việc được cấp Giấy công nhận và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Kể từ ngày bị thu hồi Giấy công nhận, tổ chức, cá nhân không tiếp tục được hưởng ưu đãi, tài trợ, hỗ trợ và những lợi ích khác đã được hưởng từ việc được cấp Giấy công nhận.

MỤC 3

DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 24. Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ

1. Doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 26 quy định này được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

2. Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ có hiệu lực trên toàn quốc dưới dạng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử; là căn cứ thực hiện ưu đãi đầu tư và các chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác của Nhà nước đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ; là căn cứ để doanh nghiệp thực hiện các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ

1. Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận hồ sơ, thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ, cấp thay đổi nội dung,

cấp lại, thu hồi, hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ cho doanh nghiệp có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo việc cấp, cấp thay đổi, cấp lại, thu hồi, hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ tới các cơ quan có liên quan đến việc thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

3. Định kỳ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm cập nhật dữ liệu về việc cấp, cấp thay đổi, cấp lại, thu hồi, hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ vào Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia.

Điều 26. Điều kiện, hồ sơ, quy trình thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ

1. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ thực hiện theo Điều 49 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ thực hiện theo Điều 50 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP. Hồ sơ được nộp thông qua hệ thống dịch vụ công theo quy định.

3. Quy trình thẩm định hồ sơ

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định hồ sơ, xem xét trình UBND tỉnh ban hành quyết định công nhận và cấp Giấy công nhận hoặc từ chối công nhận. Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ được cấp theo Mẫu số V.4 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

c) Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện việc thẩm định thông qua hình thức tự thẩm định, xin ý kiến chuyên gia độc lập hoặc thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ. Mẫu Phiếu đánh giá hồ sơ chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo Mẫu số V.3 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

d) Trong trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ. Số lượng thành viên hội đồng thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 41 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP; thành phần, nguyên tắc làm việc, trình tự làm việc của hội đồng tư vấn thẩm định hồ sơ thực hiện theo khoản 2, 3, 4 Điều 41 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng thẩm định hồ sơ, tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận giải trình, hoàn thiện hồ sơ theo kết luận của Hội đồng thẩm định hồ sơ.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hoàn thiện, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định công nhận và cấp Giấy chứng nhận.

Trường hợp hồ sơ không đảm bảo yêu cầu, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo kết quả để tổ chức được biết và nêu rõ lý do.

Điều 27. Cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ

1. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ về Sở Khoa học và Công nghệ trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 52 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

2. Hồ sơ đề nghị cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm xem xét trình UBND tỉnh việc cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ; hoặc Sở Khoa học và Công nghệ từ chối cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Điều 28. Thu hồi, hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ

1. Định kỳ 03 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức kiểm tra, đánh giá việc chấp hành các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 26 Quy định này để xem xét việc duy trì hiệu lực Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

2. Sở Khoa học và Công nghệ thông báo cho doanh nghiệp và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 53 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

3. Sở Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 53 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP

4. Sở Khoa học và Công nghệ có thể thành lập Hội đồng tư vấn để xem xét việc thu hồi hoặc hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

5. Sở Khoa học và Công nghệ công khai việc thu hồi, hủy bỏ hiệu lực của Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên cổng thông tin của cơ quan trong thời hạn ít nhất 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi, hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Điều 29. Trách nhiệm của doanh nghiệp khoa học và công nghệ

Trách nhiệm của doanh nghiệp khoa học và công nghệ được thực hiện theo quy định tại Điều 54 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

Điều 30. Chính sách ưu tiên, ưu đãi, hỗ trợ cho doanh nghiệp khoa học và công nghệ

Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ được hưởng các chính sách ưu tiên, ưu đãi, hỗ trợ theo quy định tại Điều 56 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 31. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi

nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh; có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức triển khai các nhiệm vụ sau:

1. Chủ trì xây dựng kế hoạch, dự toán và bố trí kinh phí sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hằng năm, kinh phí từ các chương trình, quỹ, dự án đầu tư, dự án hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo trong nước và quốc tế, phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, các nội dung khác phù hợp để tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước tại địa phương. Quản lý, kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí và tiến độ triển khai các nhiệm vụ đổi mới sáng tạo được phê duyệt.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh quyết định công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh; trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh; công nhận cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, nhà đầu tư, chuyên gia hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh. Theo dõi, kiểm tra và đánh giá hoạt động của các trung tâm sau khi được công nhận nhằm đảm bảo hiệu quả vận hành và thực hiện đúng chính sách hỗ trợ của tỉnh.

4. Tham mưu xây dựng hệ thống đổi mới sáng tạo và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo của tỉnh; tham mưu xây dựng, quản lý, phát triển, duy trì mạng lưới, cơ sở dữ liệu hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan thiết lập, kết nối, liên thông và chia sẻ thông tin về mạng lưới, cơ sở dữ liệu hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các quy định về hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Điều 32. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí cho hoạt động đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh.

2. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường bố trí kế hoạch kinh phí dành cho các hoạt động đổi mới sáng tạo do các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường chủ trì thực hiện.

3. Hướng dẫn các đơn vị quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định.

Điều 33. Trách nhiệm của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường.

1. Tổ chức quản lý hoạt động đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước được giao cho các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện.

2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ đặt hàng nhiệm vụ đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh; kiểm tra, đôn đốc trong quá trình thực hiện.

3. Tổ chức ứng dụng, nhân rộng hoặc tham gia triển khai ứng dụng kết quả nhiệm vụ đổi mới sáng tạo; nhân rộng hoặc tham gia triển khai hoạt động đổi mới sáng tạo.

4. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Quy định này, quy định tại Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.